

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2017/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 21 tháng 9 năm 2017

### **NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định chính sách hỗ trợ các thôn, buôn hoàn thành Chương trình 135 ở các xã đã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thôn, buôn có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao không thuộc diện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2020**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thanh toán, quyết toán nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;*

*Xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh về ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ các thôn, buôn vừa thoát khỏi Chương trình 135 tại các xã đã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; các thôn, buôn có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao giai đoạn 2017-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ các thôn, buôn hoàn thành Chương trình 135 ở các xã đã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thôn, buôn có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao không thuộc diện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2020.

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Hàng năm, căn cứ Quyết định công nhận thôn, buôn đặc biệt khó khăn và xã đạt chuẩn nông thôn mới của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định danh sách thôn,

buôn thuộc diện đối tượng hỗ trợ theo Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 21 tháng 9 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2017./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Tấn Việt**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY ĐỊNH**

**Chính sách hỗ trợ các thôn, buôn hoàn thành Chương trình 135 ở các xã đã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thôn, buôn có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao không thuộc diện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2017 của HĐND tỉnh)*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định chính sách về hỗ trợ sản xuất, tăng thu nhập, đa dạng hóa sinh kế, giảm nghèo dựa vào cộng đồng và đầu tư cơ sở hạ tầng cho các thôn, buôn hoàn thành Chương trình 135 tại các xã đã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thôn, buôn có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao không thuộc diện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2020.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (thời gian thoát nghèo tối đa 3 năm).

b) Các thôn, buôn hoàn thành Chương trình 135 ở các xã đã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới từ năm 2015 trở về sau; thôn, buôn có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao không thuộc diện Chương trình 135 (tỷ lệ hộ nghèo từ 30% trở lên hoặc tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 45% trở lên theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2016-2020) trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 2. Nội dung hỗ trợ**

1. Hỗ trợ sản xuất, tăng thu nhập, đa dạng hóa sinh kế, giảm nghèo dựa vào cộng đồng

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, hàng hóa gồm: Giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn gia súc; máy móc, thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; chi phí làm chuồng trại chăn nuôi, ao nuôi, lồng bè, sân phơi, cát, bạt; chi phí tiêm phòng gia súc...

b) Mức hỗ trợ: 35 triệu đồng/thôn, buôn/năm. Trong đó hỗ trợ tối đa cho: Hộ nghèo 12 triệu đồng/hộ; hộ cận nghèo 10 triệu đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo 08 triệu đồng/hộ.

c) Quy trình và nguyên tắc hỗ trợ: Thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền.

2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

a) Nội dung hỗ trợ: Danh mục đầu tư thực hiện theo Tiêu dự án 1, Điểm b Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

b) Mức hỗ trợ đầu tư: 140 triệu đồng/thôn, buôn/năm.

c) Cơ chế hỗ trợ, lập kế hoạch đầu tư, thực hiện đầu tư, công tác thanh quyết toán được thực hiện theo Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thanh toán, quyết toán nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

3. Nguồn kinh phí

a) Hỗ trợ sản xuất, tăng thu nhập, đa dạng hóa sinh kế, giảm nghèo dựa vào cộng đồng: Ngân sách tỉnh 100%.

b) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng: Ngân sách tỉnh 80% và ngân sách huyện 20%/.

**CHỦ TỊCH**

**Đã ký**

**Huỳnh Tấn Việt**